

Bản án số: 38/2018/HS-PT

Ngày: 29-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Đăng Thi

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 34/2017/HSPT ngày 22/01/2018 đối với các bị cáo Nguyễn Xuân H và Vũ Thị Phương D do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân H và Vũ Thị Phương D đối với bản án hình sự sơ thẩm số 90/2017/HSST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Xuân H, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Số nhà 50, đường T, phường H, thành phố B; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; bố: Nguyễn Xuân Đ; mẹ: Phạm Thị H1; Vợ: Vũ Thị Phương D; có 02 con, con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25/7/2007, bị Ủy ban nhân dân Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội ra quyết định đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 27/3/2008, H chấp hành xong; Ngày 31/5/2013, bị Công an quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng; Ngày 10/11/2013, bị Công an quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/7/2017 đến nay hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang, có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Thị Phương D, sinh năm 1979; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: số nhà 04, đường Đ, tổ 82A, phường K, quận ĐĐ, thành phố H; chỗ ở: Số nhà 50, đường T, phường H, thành phố B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; bố: Vũ Văn T (Đã chết); mẹ: Trịnh Thị H2; chồng: Nguyễn Xuân H; có 02 con, con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2017; tiền sự: không; nhân thân: 1. Quyết định

xử phạt vi phạm hành chính số 107 ngày 21/4/2014 của Công an quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính 1.500.000 đồng (đ) về hành vi trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong ngày 25/4/2014; Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2017/HSST ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt D 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đang được hoãn thi hành án do đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền chi tiêu cá nhân, Nguyễn Xuân H nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng tháng 02/2017, H mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ, không biển kiểm soát đã cũ của một người đàn ông không quen biết để dùng làm phương tiện đi trộm cắp, sau đó tự chế 01 chiếc vạm hình chữ "L" làm dụng cụ để phá khóa điện của xe mô tô. Chuẩn bị xong phương tiện và công cụ, H rủ vợ là Vũ Thị Phương D cùng đi trộm cắp, D đồng ý. Khi đi trộm cắp, H là người điều khiển chiếc xe mô tô còn D ngồi phía sau, đi theo các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ trên địa bàn các huyện L, LG, Y để tìm xe trộm cắp. Khi phát hiện thấy xe mô tô nào có cơ hở, H là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô, còn D có nhiệm vụ canh giới và điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ đi theo sau. Sau khi trộm cắp được xe mô tô, H và D mang đi cầm cố hoặc bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bằng thủ đoạn như đã nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 02/4/2017 đến ngày 27/7/2017, H và D đã thực hiện 05 vụ, trộm cắp được 05 chiếc xe mô tô, cụ thể như sau:

*** Vụ thứ 1**

Khoảng 12 giờ ngày 02/4/2017, H điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ chở D phía sau đi từ nhà ở thành phố B theo đường tỉnh lộ 293 (đường Tâm Linh) đến địa bàn huyện Y với mục đích trộm cắp xe mô tô. Khi đi đến gần khu vực xử lý rác thải thuộc tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Y, H và D. Khi đi qua một nương nước, H và D phát hiện thấy trên bờ nương có 01 chiếc xe mô tô dựng không có người trông coi. Đó là xe mô tô nhãn hiệu Surius màu trắng đen biển kiểm soát 98B1-219.10 của ông Nguyễn Tiến L đi làm đồng dựng ở đó. Quan sát thấy ông L đang làm đồng cách đó 100m không để ý, thấy chìa khóa điện để ở móc treo đồ bên phải xe, H điều khiển xe mô tô đi qua chiếc xe mô tô của ông L, khoảng 5m rồi đỗ lại bảo D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ đi lên đường canh giới, còn H đi đến lấy chìa khoá mở ổ khoá điện rồi dắt xe ra ngoài đường, điều khiển xe mô tô đi về thành phố B. Chiều tối cùng ngày, H mang chiếc xe mô tô trộm cắp được đến cửa hàng sửa chữa xe mô tô của gia đình anh Thân Văn Q nói dối là xe của gia đình cầm lấy 2.000.000đ sau đó D đến đón H về. Hết thời hạn 03 ngày, không thấy H đến chuộc xe, anh Q đã bán chiếc xe mô tô đó cho một người đàn ông không quen biết, do đó, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 28/7/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y định giá chiếc xe mô tô H và D trộm cắp của ông L trị giá là 7.954.000 đồng.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ, H và D sử dụng làm phương tiện để thực hiện tội phạm. D và H đều khai: Khoảng cuối tháng 4 năm 2017, H đã bán cho một người đàn ông không quen biết nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với anh Thân Văn Q đã nhận cầm chiếc xe mô tô do H trộm cắp được đem đến cầm. Tuy nhiên anh Q không biết đó là tài sản do H phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Ông L yêu cầu H và D phải bồi thường 7.954.000 đ; đến nay, H và D chưa bồi thường cho ông L.

*** Vụ thứ 2:**

Khoảng 09 giờ ngày 19/6/2017, H điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream là chiếc xe mô tô H trộm cắp ở Thành Phố B, tỉnh BN sau đó lấy biển kiểm soát 29S1-354.59 H mua của người không biết tên lắp vào chỗ D đi từ nhà theo đường tỉnh lộ 293 sau đó đi và đường tỉnh lộ 299 đến xã Quỳnh Sơn, huyện Y với mục đích tìm xem ai để xe mô tô sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến khu vực nhà máy gạch Quỳnh Sơn, H và D quan sát thấy nhiều người dân đang gặt lúa. Biết người dân đi gặt lúa sẽ để xe mô tô ở bờ đường, nên H điều khiển xe mô tô vào đường bê tông ra cánh đồng, đi được một đoạn thì H và D phát hiện có 01 chiếc xe mô tô dựng ở lối rẽ vào đường đất. Đó là xe mô tô hiệu Wave α , màu đỏ đen, biển kiểm soát 98M7-5197 của ông Cao Xuân C đi làm đồng dựng ở đó. H xuống xe và bảo D đứng canh giới, khi H trộm cắp được xe mô tô thì điều khiển xe mô tô trộm cắp được ở BN đi về thành phố B, còn H đi bộ đến dùng chiếc vạm phá khóa tự chế đem theo phá được ổ khóa điện nổ máy rồi điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp về thành phố Bắc Giang. Trên đường đi, H tháo biển kiểm soát vớt ở bờ đường sau đó đem xe mô tô trộm cắp được đến cửa hàng sửa chữa xe mô tô của gia đình anh Thân Văn Q nói dối là xe của gia đình mới mua cầm 800.000 đồng.

Ngày 26/7/2017, cơ quan điều tra Công an huyện Y đã thu giữ chiếc xe mô tô H và D trộm cắp của ông C do anh Q giao nộp.

Ngày 25/9/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y định giá chiếc xe mô tô H và D trộm cắp của ông C trị giá 234.000 đồng.

Đối với H là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp chiếc mô tô của ông Chung; ngày 17/10/2017, Công an huyện Y ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H.

Ngày 07/9/2017, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave α màu đỏ đen cho ông C. Ông C đã nhận lại xe và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

*** Vụ thứ 3:**

Buổi sáng ngày 21/6/2017, Nguyễn Xuân H đem theo vạm phá khóa, điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp ở tỉnh BN chỗ D đi từ nhà theo đường tỉnh lộ 293

(đường “Tâm linh”) đến địa phận huyện L, tỉnh B mục đích tìm trộm cắp xe mô tô. Khoảng 10 giờ cùng ngày, H và D đi đến khu vực cách đồng lúa thuộc địa phận thôn Y, xã Y S, huyện L. H và D quan sát thấy có 01 chiếc xe mô tô dựng ở bờ đường, đó là xe mô tô biển kiểm soát 98E1-388.46 của bà Trịnh Thị T đi tìm thợ máy gặt lúa dựng ở đó. Quan sát thấy không có người trông coi, H dừng xe, bảo D đứng cạnh giới sau đó điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp ở tỉnh BN đi về thành phố B, còn H đi đến dùng vạm phá khóa phá được ổ khoá điện dắt ra ngoài nổ máy đi về thành phố B tìm nơi tiêu thụ. Trên đường về, H mở cốp xe phát hiện thấy trong cốp có một số giấy tờ gồm: 01 chứng minh thư và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trịnh Thị T, 01 chứng minh thư mang tên Đặng Thị H2, 01 chứng minh thư nhân dân và 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Phùng Văn V. H lấy 01 đăng ký xe mô tô mang tên Trịnh Thị T, 01 chứng minh thư nhân dân và 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Phùng Văn V, số giấy tờ còn lại H vứt xuống bờ đường. Khi về nhà, H lấy chứng minh nhân dân của anh Phùng Văn V, sinh năm 1978, ở xã YS, huyện L ra bóc ảnh anh V ra rồi dán ảnh của H vào mục đích để thuận L cho việc bán xe.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, H đem xe trộm cắp được đến cửa hàng sửa chữa xe mô tô của gia đình anh Thân Văn N nói dối là xe của mình đặt vấn đề bán chiếc xe mô tô. Để làm tin, H đưa cho anh N xem 01 giấy một đăng ký xe mô tô mang tên Trịnh Thị T và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Phùng Văn V (đã dán ảnh của H). Thấy H đưa đầy đủ giấy tờ, anh N tin tưởng và đồng ý mua chiếc xe với giá 12.000.000đ (BL 417 - 418). H vẫn giữ trên người 01 giấy phép lái xe mang tên Phùng Văn V.

Đối với anh Thân Văn N, sau khi mua chiếc xe mô tô của H đem đến bán, anh N bán lại cho anh Thân Văn Đ, sinh năm 1986, ở cùng thôn. Ngày 30/6/2017, anh Đ bán lại chiếc xe trên cho anh Phạm Trọng T3, sinh năm 1974 ở số 279, Cụm 1, tổ 1, phường M, thành phố B. Ngày 25/7/2017, sau khi biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu wave, màu trắng đen, biển kiểm soát 98E1-388.46 là vật chứng trong vụ án hình sự, anh T3 đã giao cho Cơ quan cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y.

Ngày 31/7/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L, tỉnh B định giá chiếc xe mô tô H và D trộm cắp của bà T có giá trị là 13.300.000 đồng.

Đối với anh N, anh Đ, anh T3 đã mua và bán lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu wave, màu trắng đen biển kiểm soát 98E1-388.46. Tuy nhiên, anh N, anh Đ, anh T3 đều không biết chiếc xe này là tài sản do H trộm cắp mà có, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Đối với các tài sản còn lại gồm 02 chứng minh thư, cơ quan điều tra đã truy tìm nH3 không thu hồi được.

Ngày 16/10/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T chiếc xe mô tô nhãn hiệu wave, màu trắng đen biển kiểm soát 98E1-388.46 và 01 giấy đăng ký xe mô tô. Bà T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác; trả lại cho anh Phùng Văn

V 01 giấy phép lái xe mô tô; anh V đã nhận lại giấy phép và không có yêu cầu khác. Ngày 06/12/2017 D đã trả cho anh N và anh T3 số tiền 12.000.000 đồng. Nay các anh Đ, T3, N đều không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

*** Vụ thứ 4:**

Trưa ngày 19/7/2017, H và D tiếp tục sử dụng chiếc xe mô tô trộm cắp được ở tỉnh BN đi từ nhà theo đường Quốc lộ 1A cũ đến địa phận huyện LG theo đường 171 hướng đi xã MT, huyện LG để tìm xe mô tô để trộm cắp. Khoảng 15 giờ cùng ngày khi đi đến khu vực cầu Đổ thuộc địa phận thôn L, xã T, huyện LG, H và D phát hiện thấy cạnh bờ mương gần đường có 01 chiếc xe mô tô dựng không có người trông coi. Đó là xe mô tô nhãn hiệu Wave α , màu đen, bạc biển kiểm soát 98Y3-8943 của chị Giáp Thị T4 dựng ở đó để đi làm đồng. H xuống xe, rồi bảo D đứng cạnh giới khi H trộm cắp được xe mô tô thì đi xe mô tô trộm cắp ở BN về, còn H lấy vạm phá khóa đem theo đi đến phá được ổ khoá điện rồi dắt xe ra ngoài nổ máy đi về thành phố B tìm nơi tiêu thụ. Khi về đến thành phố B, H mở cốp xe mô tô phát hiện trong cốp có 01 đăng ký xe mô tô và 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên chị Giáp Thị T4. Đến tối cùng ngày, H đem xe mô tô trộm cắp được đến gia đình anh Hoàng Văn T5 nói dối là xe của gia đình, đưa cho anh T5 xem đăng ký xe rồi cầm cho anh T5 được 4.000.000đ. Lấy được tiền, D đến đón H về, toàn bộ số tiền có được từ việc trộm cắp, H và D đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 11/8/2017, Vũ Thị Phương D đến nhà anh T5 chuộc xe mô tô do H và D trộm cắp của chị T4 nộp về Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y.

Ngày 30/8/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện LG định giá chiếc xe mô tô do H và D trộm cắp của chị T4 trị giá 4.000.000đ.

Đối với anh T5 nhận cầm chiếc xe mô tô do H trộm cắp đem đến cầm, tuy nhiên, anh T5 không biết chiếc xe mô tô này do H trộm cắp mà có, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Ngày 16/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave α , màu đen, bạc; biển kiểm soát 98Y3-894; 01 giấy đăng ký xe mô tô và 01 giấy phép lái xe cho chị T4. Chị T4 đã nhận đủ tài sản và không có yêu cầu khác.

*** Vụ thứ năm:**

Khoảng 12 giờ ngày 22/7/2017, H và D tiếp tục sử dụng chiếc xe mô tô trộm cắp được ở tỉnh BN từ nhà theo đường tỉnh lộ 293 (đường “Tâm Linh”) đến địa bàn huyện Y để tìm xem ai để xe mô tô sơ hở thì trộm cắp. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến khu vực xử lý rác thải thuộc tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Y, H và D phát hiện thấy bên trong lối rẽ đường đất đi vào bãi xử lý rác thải có 01 chiếc xe mô tô dựng không có người trông coi. Đó là xe mô tô hiệu Honda Dream biển kiểm soát 98M1-7138 của anh Trịnh Đình H3 đi bắt cá dựng ở đó. H xuống xe, rồi bảo D đi xe mô tô trộm cắp được ở BN lên đường 293 để cảnh giới, còn H đi bộ đến dùng vạm phá khóa đem theo phá được ổ khoá điện rồi dắt xe đi

lên đường tỉnh lộ 293 để về thành phố B. Khi H dắt xe trộm cắp đi được khoảng 05m thì bị anh H3 phát hiện hô hoán mọi người đuổi theo. Thấy bị phát hiện, H bỏ lại xe trộm cắp bỏ chạy lên chỗ D chờ để tẩu thoát thì bị anh H3 và quần chúng nhân dân bắt giữ được H, còn D đi xe bỏ chạy.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 giấy lái xe mang tên Giáp Thị T4 ; 01 giấy phép lái xe mang tên Phùng Văn V; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát 98M1-713.

Cùng ngày 22/7/2017, cơ quan điều tra tiến hành khám xét nơi ở của H thu giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream mang biển kiểm soát 29S1-354.59 (là xe trộm cắp được ở tỉnh BN)

Ngày 27/7/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y định giá chiếc xe mô tô H và D trộm cắp của anh H3 trị giá 12.000.000đ.

Ngày 02/8/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển kiểm soát 98M1-7138 cho anh Trình Đình H3 . Anh H3 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Đối với chiếc xe thu giữ tại nhà H, H và D đều khai là xe trộm cắp được ở Thành Phố B, tỉnh BN khoảng tháng 5/2017. Ngày 16/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã bàn giao chiếc xe mô tô đến Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố BN để giải quyết theo thẩm quyền. Đối với chiếc biển kiểm soát 29S1-354.59, cơ quan điều tra xác định chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1964 ở thôn Đ, xã U, huyện ĐA, thành phố H. Cơ quan điều tra đã chuyển giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra huyện ĐA, thành phố H để giải quyết theo thẩm quyền. Đối với chiếc vạm hình chữ “L” bằng kim loại mà H sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, H khai đã bị rơi khi bỏ chạy, cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nH3 không thu hồi được.

Với nội D trên bản án hình sự sơ thẩm số 90/2017/HSST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân H và Vũ Thị Phương D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20, Điều 53, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân H.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20, Điều 53, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Thị Phương D.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân H 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/07/2017.

2. Bị cáo Vũ Thị Phương D 01 năm 06 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 10 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại bản án số 32/2017/HSST ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang; buộc bị cáo Vũ Thị Phương D phải chấp

hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 02 năm 04 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 20/12/2017 bị cáo Nguyễn Xuân H có đơn kháng cáo với nội H kháng cáo phần hình phạt chính của bản án với bị cáo và xin cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngày 25/12/2017 bị cáo Vũ Thị Phương D có đơn kháng cáo với nội D kháng cáo phần hình phạt tù của bản án đối với bị cáo và xin cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do các bị cáo đã tự nguyện nộp trước số tiền án phí sơ thẩm, người bị hại anh Nguyễn Tiến L đã có đơn xin xác nhận các bị cáo đã bồi thường xong và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, bị cáo D hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà các bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân H và Vũ Thị Phương D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Án phí: Các bị cáo Nguyễn Xuân H, Vũ Thị Phương D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo H, D không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

+ Bị cáo Nguyễn Xuân H: Không có ý kiến gì.

+ Bị cáo Vũ Thị Phương D: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân H và Vũ Thị Phương D đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Qua quá trình xét hỏi tại phiên toà thấy đủ cơ sở xác định: Bằng thủ đoạn dùng xe mô tô phân khối lớn đem theo vạm phá khóa đi trên các trục đường tỉnh lộ, Quốc lộ của huyện LG, huyện L và Y để quan sát, nếu thấy ai để xe mô tô sơ hở không có người trông coi thì Vũ Thị Phương D cảnh giới còn Nguyễn Xuân H dùng vạm phá khóa trộm cắp xe mô tô đem về bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Với thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 02/4/2017 đến ngày 27/7/2017, H và D đã thực hiện 05 vụ, trộm cắp được 05 xe mô tô, 03 chứng minh thư nhân

dân, 02 đăng ký xe mô tô, 02 giấy phép lái xe mô tô của 05 gia đình trên địa bàn các huyện L, LG và Y, với tổng trị giá tài sản trộm cắp được là 37.488.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2017/HSST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thấy: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội nhiều lần, bị cáo D đã bị kết án chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã trực tiếp và tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo có bố, mẹ tham gia kháng chiến và được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Bản án sơ thẩm đã đánh giá và áp dụng cho bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có nhân thân xấu. Bản án sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo, đánh giá toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 01 năm 09 tháng tù, xử phạt bị cáo Vũ Thị Phương D 01 năm 06 tháng tù là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là các bị cáo đã bồi thường xong cho người bị hại anh Nguyễn Tiến L, được anh L làm đơn xác nhận và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo tự nguyện nộp trước tiền án phí sơ thẩm. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 áp dụng thêm cho các bị cáo, nên có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cần sửa bản án sơ thẩm đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bản án sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Xuân H và Vũ Thị Phương D phải liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Tiến L 7.954.000 đồng (cụ thể H 3.977.000 đồng, D 3.977.000 đồng). Ngày 18/12/2017 Nguyễn Tiến L có đơn trình bày về việc bị cáo Vũ Thị Phương D đã bồi thường cho anh L xong khoản tiền 7.954.000 đồng, như vậy là phần trách nhiệm dân sự đã được giải

quyết xong. Khoản tiền 02 triệu đồng Vũ Thị Phương D nộp tại các biên lai thu tiền số AA/2010/007411, AA/2010/007411 cùng ngày 23/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh B. Trong án sơ thẩm tuyên thì ngoài việc các bị cáo Nguyễn Xuân H và Vũ Thị Phương D phải bồi thường cho ông L ra thì không phải bồi thường cho ai khác nữa nên cần trả lại cho bị cáo Vũ Thị Phương D khoản tiền 02 triệu đồng đã nộp tại các biên lai thu tiền số AA/2010/007411, AA/2010/007411 cùng ngày 23/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh B.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Do các bị cáo Nguyễn Xuân H và Vũ Thị Phương D được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân H, Vũ Thị Phương D. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân H và Vũ Thị Phương D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20, Điều 53, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân H.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20, Điều 53, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Thị Phương D.

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Xuân H 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/07/2017.

Bị cáo Vũ Thị Phương D 01 năm tù, tổng hợp với hình phạt 10 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại bản án số 32/2017/HSST ngày 29/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang; buộc bị cáo Vũ Thị Phương D phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 01 năm 10 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Xuân H (do Vũ Thị Phương D nộp thay) đã nộp 398.800 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2010/007419 ngày 01/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh B.

Xác nhận bị cáo Vũ Thị Phương D đã nộp 398.800 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2010/007420 ngày 01/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh B.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận các bị cáo Nguyễn Xuân H, Vũ Thị Phương D đã bồi thường xong cho người bị hại ông Nguyễn Tiến L.

Trả lại cho bị cáo Vũ Thị Phương D khoản tiền 02 triệu đồng đã nộp tại các biên lai thu tiền số AA/2010/007411, AA/2010/007411 cùng ngày 23/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh B.

[3] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Các bị cáo Nguyễn Xuân H, Vũ Thị Phương D không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- TAND huyện Yên Dũng;
- Công an huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bạch Đăng Thi

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Q Dũng

Nguyễn Thị Kim D

Bạch Đăng Thi

